

Số: 98/2026/QĐST-HNGĐ

Đà Nẵng, ngày 12 tháng 3 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 25/2026/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2026, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu H1, sinh năm 1964

Địa chỉ: Khu Chung cư C 2, Nhà C, phòng 54, Tổ 4, phường Sơn Tr, TP.Đà N.

- Bị đơn: Ông Thái Đình H, sinh năm 1965

Địa chỉ: K3/2 Nguyễn Như Đ, tổ 12HTT, phường Cẩm L, TP.Đà N.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 04 tháng 3 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 04 tháng 3 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Thu H1 và ông Thái Đình H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu H1 và ông Thái Đình H thuận tình ly hôn.

Về quan hệ con chung: Bà Nguyễn Thị Thu H1 và ông Thái Đình H xác định có 03 con chung là: Thái Đình Q, sinh năm 1989, Thái Đình Gia B, sinh năm 1992 và Thái Nguyễn Kim D, sinh năm 1996. Ly hôn, do cả ba con đã đủ 18 tuổi và phát triển bình thường nên bà H1 và ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Tòa án không xem xét.

Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Thu H1 và ông Thái Đình H xác định: Không có.

Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thu H1 và ông Thái Đình H xác định: Không có.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng) bà H1 tự nguyện chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà H1 đã nộp tại biên lai thu số 0004240 ngày 21/10/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng (Vụ án này do Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đà Nẵng chuyển thẩm quyền đến). Hoàn trả lại cho bà H1 số tiền 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng).

Trong trường hợp Quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND khu vực 3 - Đà Nẵng;
- UBND phường Bình Thuận, quận H Châu cũ, thành phố Đà Nẵng (Đăng ký kết hôn số 582 ngày 24/8/1988);
- Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng;
- Phòng THADS khu vực 3 - Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thế Anh